TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*Quế Võ, ngày 23 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/10/2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn L, xã Đ, thị xã Q, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn L, xã Đ, thị xã Q, tỉnh B

Chỗ ở: Khu tập thể Bệnh viện D; Địa chỉ: Khu Q, phường H, thành phố B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 13 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị L đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Bá S, sinh ngày 03/9/2018; Nguyễn Quang L, sinh ngày 26/5/2021. Anh Kiên trực tiếp nuôi dưỡng cháu S. Chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số: AA/2023/0002041, ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh B. Anh K đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND thị xã Q;*
- *Chi cục THADS thị xã Q;*
- *UBND xã Đ, TX Q, tỉnh B.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS,VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hồng